

Số: 937 /BC-ĐHPVD

Quảng Ngãi, ngày 13 tháng 8 năm 2018

**THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG VÀ TRUNG CẤP KHỐI NGÀNH SƯ PHẠM HỆ CHÍNH QUY NĂM 2018  
ĐỢT XÉT TUYỂN LẦN 2 (TỪ NGÀY 22/8/2018 ĐẾN NGÀY 05/9/2018)**

**1. Đối tượng tuyển sinh:**

- Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội hoặc hoàn cảnh kinh tế, nếu có đủ các điều kiện theo tiêu chí xét tuyển đều được đăng ký xét tuyển vào đại học, cao đẳng và trung cấp khối ngành sư phạm, hệ chính quy;
- Có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành;
- Nộp đầy đủ, đúng thủ tục, đúng thời hạn các giấy tờ và lệ phí đăng ký xét tuyển.

**2. Phạm vi tuyển sinh:**

Tuyển sinh trong cả nước. Đối với ngành sư phạm chỉ tuyển thí sinh có hộ khẩu thường trú ở tỉnh Quảng Ngãi.

**3. Phương thức tuyển sinh:**

- + Phương thức 1 (PT1): Xét tuyển theo điểm thi trung học phổ thông quốc gia năm 2018. Phương thức này áp dụng cho tất cả các đợt xét tuyển dành cho thí sinh xét tuyển vào học các ngành đào tạo ở bậc đại học, cao đẳng, trung cấp.
- + Phương thức 2 (PT2): Xét tuyển dựa vào điểm tổng kết các môn học lớp 12 (theo học bạ trung học phổ thông). Phương thức này áp dụng cho tất cả các đợt xét tuyển dành cho thí sinh xét tuyển vào học các ngành đào tạo ở bậc đại học, cao đẳng, trung cấp.

**4. Chỉ tiêu tuyển sinh:**

Ký hiệu trường	Tên trường/ Trình độ/ Ngành học	Mã ngành	Mã tổ hợp xét tuyển	Tổng chỉ tiêu TS năm 2018	Số thí sinh đã xác nhận nhập học			Chỉ tiêu XT bổ sung đợt 2		
					Tổng cộng	Trong đó theo		Tổng XTBS đợt 2	Trong đó theo	
						Kết quả thi THPT QG	Đề án TS riêng		Kết quả thi THPT QG	Đề án TS riêng
1	2	3	4	5=6+9	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11
<b>PDU</b>	<b>TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHẠM VĂN ĐỒNG</b>									
	<i>Các ngành đào tạo đại học:</i>									
1	Sư phạm Tin học	7140210	A00, A01, D01, D72	25	0	0	0	25	20	5
2	Sư phạm Vật lý	7140211	A00, A01, D90	20	0	0	0	0	0	0
3	Sư phạm Ngữ văn	7140217	C00, D78	25	3	2	1	22	17	4
4	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	D01, D72, D96	30	6	2	4	24	19	5





5	Sinh học ứng dụng	7420203	B00, D90	50	8	1	7	42	17	25
6	Công nghệ Thông tin	7480201	A00, A01, D01, D72	120	25	4	21	95	38	57
7	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	7510201	A00, A01, D90	132	38	4	34	94	38	56
8	Kỹ thuật Cơ – Điện tử	7520114	A00, A01, D90	88	19	1	18	69	28	41
9	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	7520207	A00, A01, D90	50	0	0	0	0	0	0
10	Kinh tế phát triển	7310105	A00, A01, D01, D90	90	27	1	26	63	25	38
11	Ngôn ngữ Anh	7220201	D01, D72, D96	43	28	4	24	15	6	9
<b>Các ngành đào tạo cao đẳng sư phạm:</b>										
1	Giáo dục Mầm non	51140201	M00	119	69	69	0	50	40	10
2	Giáo dục Tiểu học	51140202	A00, A01, C00, D78	119	20	20	0	99	80	20
3	Giáo dục Thể chất	51140206	T00	20	0	0	0	0	0	0
4	Sư phạm Toán học	51140209	A00, A01, D90	20	12	2	10	8	6	2
5	Sư phạm Tin học	51140210	A00, A01, D01, D72	20	0	0	0	0	0	0
6	Sư phạm Vật lý	51140211	A00, A01, D90	20	0	0	0	0	0	0
7	Sư phạm Hóa học	51140212	A00, B00, D90	20	0	0	0	0	0	0
8	Sư phạm Sinh học	51140213	B00, D90	20	0	0	0	0	0	0
9	Sư phạm Ngữ văn	51140217	C00, D78	26	6	1	5	20	16	4
10	Sư phạm Lịch sử	51140218	C00, D78	20	0	0	0	0	0	0
11	Sư phạm Địa lý	51140219	C00, D78	20	2	0	2	18	14	4
12	Sư phạm Âm nhạc	51140221	N00	20	12	2	10	8	6	2
13	Sư phạm Mỹ thuật	51140222	H00	20	0	0	0	0	0	0
14	Sư phạm Tiếng Anh	51140231	D01, D72, D96	27	11	1	10	16	13	3
<b>Các ngành đào tạo trung cấp sư phạm:</b>										
1	Sư phạm Mầm non	42140201	M00	60	7	3	4	48	38	10
2	Sư phạm Tiểu học	42140202	A00, A01, C00, D78	60	20	2	18	30	24	6
3	Sư phạm Thể dục Thể thao	42140206	T00	20	0	0	0	0	0	0

5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận ĐKXT bổ sung (theo từng phương thức/ ngành/ nhóm ngành/ mã tổ hợp - nếu có):



Điều kiện đề nộp hồ sơ xét tuyển

+ **Bậc đại học khối ngành sư phạm:**

- Xét tuyển theo phương thức 1: Thí sinh phải tốt nghiệp THPT và tổng điểm 3 môn thi / bài thi (không nhân hệ số) tương ứng tổ hợp môn xét tuyển phải đạt từ 17 điểm trở lên (dành cho học sinh phổ thông khu vực 3); Không có môn thi nào trong tổ hợp môn xét tuyển bị điểm liệt theo quy chế thi THPT quốc gia 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển theo phương thức 2: Thí sinh phải tốt nghiệp THPT và xếp loại học lực lớp 12 từ loại giỏi trở lên.

+ **Bậc đại học khối ngành kinh tế, kỹ thuật:**

- Xét tuyển theo phương thức 1: Thí sinh phải tốt nghiệp THPT; Tổng điểm ba môn thi / bài thi (không nhân hệ số) tương ứng tổ hợp môn xét tuyển phải đạt từ 14 điểm trở lên (dành cho học sinh phổ thông, khu vực 3) đối với các ngành: đại học Công nghệ thông tin, đại học Ngôn ngữ Anh; Tổng điểm ba môn thi / bài thi (không nhân hệ số) tương ứng tổ hợp môn xét tuyển phải đạt từ 13 điểm trở lên (dành cho học sinh phổ thông, khu vực 3) đối với các ngành: đại học Kinh tế phát triển, đại học Sinh học ứng dụng, đại học Công nghệ Kỹ thuật cơ khí, đại học Kỹ thuật điện tử - viễn thông, đại học Kỹ thuật Cơ - điện tử.

- Xét tuyển theo phương thức 2: Thí sinh phải tốt nghiệp THPT; Tổng điểm của ba môn học trong học bạ lớp 12 tương ứng với tổ hợp môn xét tuyển đạt từ 15,0 điểm trở lên.

+ **Bậc cao đẳng, khối ngành sư phạm:**

- Xét tuyển theo phương thức 1: Thí sinh phải tốt nghiệp THPT; Tổng điểm 3 môn thi / bài thi (không nhân hệ số) tương ứng tổ hợp môn xét tuyển phải đạt từ 15 điểm trở lên (dành cho học sinh phổ thông khu vực 3); Không có môn thi nào trong tổ hợp môn xét tuyển bị điểm liệt theo quy chế thi THPT quốc gia 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Xét tuyển theo phương thức 2: Thí sinh phải tốt nghiệp THPT và xếp loại học lực lớp 12 từ loại khá trở lên. Riêng ngành Sư phạm Âm nhạc thí sinh có xếp loại học lực lớp 12 từ loại trung bình trở lên

+ **Bậc trung cấp, khối ngành sư phạm:**

- Xét tuyển theo phương thức 1: Thí sinh phải tốt nghiệp THPT; Tổng điểm 3 môn thi / bài thi (không nhân hệ số) tương ứng tổ hợp môn xét tuyển phải đạt từ 13 điểm trở lên (dành cho học sinh phổ thông khu vực 3); Không có môn thi nào trong tổ hợp môn xét tuyển bị điểm liệt theo quy chế thi THPT quốc gia 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo..

- Xét tuyển theo phương thức 2: Thí sinh phải tốt nghiệp THPT và xếp loại học lực lớp 12 từ loại khá trở lên; Không có môn thi nào trong tổ hợp môn xét tuyển bị điểm liệt theo quy chế thi THPT quốc gia 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT bổ sung vào các ngành/ nhóm ngành của trường

7. **Tổ chức tuyển sinh**



- + Thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển: từ 22/08/2018 đến 05/09/2018
  - + Điểm xét tuyển:  
Tất cả các phương thức xét tuyển vào các bậc: đại học, cao đẳng, trung cấp đều dựa vào tổng điểm xét tuyển (Gồm tổng điểm 3 môn tham gia xét tuyển + điểm ưu tiên khu vực và điểm ưu tiên đối tượng) và được lấy từ trên xuống dưới cho đến khi đủ chỉ tiêu.
  - + Cách thức nộp hồ sơ:
    - Nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tiếp tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng, 509 Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.
    - Nộp hồ sơ qua bưu điện theo hình thức chuyển phát nhanh EMS. Nơi nhận: Phòng Khảo thí – ĐBCLGD, Trường Đại học Phạm Văn Đồng, 509 Phan Đình Phùng, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Hồ sơ đăng ký xét tuyển phát hành tại Trường Đại học Phạm Văn Đồng.
8. **Chính sách ưu tiên:** Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
9. **Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:** Thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.
10. **Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có):**  
Trường thực hiện mức thu học phí và lộ trình tăng học phí theo quyết định số 43/2016/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ban hành ngày 01/09/2016.
11. **Các nội dung khác:**

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

**(Ghi rõ chức vụ, họ tên và điện thoại, email liên hệ)**



Lê Duy Tuấn

Chuyên viên phòng KTĐBCLGD

SĐT: 0943676870

Email: ldtuan@pdu.edu.vn

**LÃNH ĐẠO TRƯỜNG**

**Ký, đóng dấu**

**HIỆU TRƯỞNG**



**TS. Nguyễn Đăng Vũ**